

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2018

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Duy Hùng**

2. Ông **Tổng Văn Tư**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nhan Minh Hoàng** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 550/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Lệ T** sinh năm: 1988

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Tuấn K** sinh năm: 1978

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã K, huyện D, tỉnh Tiền Giang

(Chị T có mặt; anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày: Chị và anh Phạm Tuấn K tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Anh K đã bỏ về cha mẹ ruột sống từ đó đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh K nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn H, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2013 hiện đang sống với chị, ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Tuấn K đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh K không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, anh K đã được Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tiền Giang triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh K là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Phạm Tuấn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012. Trong quá trình chung sống theo chị T trình bày là đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Anh K vắng mặt và không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Xét thấy chị T và anh K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang. Tuy chị T và anh K có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm theo quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh K không được pháp luật thừa nhận nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh K là phù hợp điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn H, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2013 đang sống với chị T, nay chị T yêu cầu được nuôi con chung. Anh K vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con. Xét thấy cháu H hiện đang sống với chị T đã lâu dài và ổn định, để tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu H. Do đó cần giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, anh K vắng mặt nên không có thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu này của chị T. Xét thấy người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên cần buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản là 695.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị T là phù hợp Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81,82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Phạm Tuấn K.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao 01 con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn H, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Buộc anh Phạm Tuấn K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 695.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu anh K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh K.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh K chậm thi hành đối với việc cấp dưỡng nuôi con như trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí:

5.1 Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 09030 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5.2 Anh Phạm Tuấn K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

6. Về quyền kháng cáo: chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh K thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 201.....
Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tổng Văn Tư**, ông **Đỗ Duy Hùng**
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 550/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về “tranh chấp xin ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Lệ Thủy sinh năm: 1988

Địa chỉ: tổ 13, ấp Bình, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Tuấn Kiệt sinh năm: 1978

Địa chỉ: ấp Lương Trí 02, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Lệ Thủy và anh Phạm Tuấn Kiệt.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao 01 con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn Hưng, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Lệ Thủy trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Buộc anh Phạm Tuấn Kiệt phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đến khi cháu Hưng đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Anh Kiệt được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu anh Kiệt lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị Thủy có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh Kiệt.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Kể từ ngày chị Thủy có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Kiệt chậm thi hành đối với việc cấp dưỡng nuôi con như trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí:

5.1 Chị Nguyễn Thị Lệ Thủy phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 09030 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè; chị Thủy đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5.2 Anh Phạm Tuấn Kiệt phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

6. Về quyền kháng cáo: chị Thủy được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh Kiệt thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

